CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Ngày 30/06/2025	46,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**13.5%**	**13.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	30,453 - 47,209
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,154
Số lượng CPLH (CP)	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85,905
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.11
EPS	5,371
P/E	8.6

DT thuần
Q2/25
409
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 70.0| 20.5%
YoY: ▲ 70.0| 20.5%

LN thuần
Q2/25
95.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.7| 31.0%
YoY: ▲ 18.6| 24.1%

LN sau thuế
Q2/25
79.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.7| 35.4%
YoY: ▲ 26.2| 49.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
24.2%
YoY: +/-▲ 2.7%

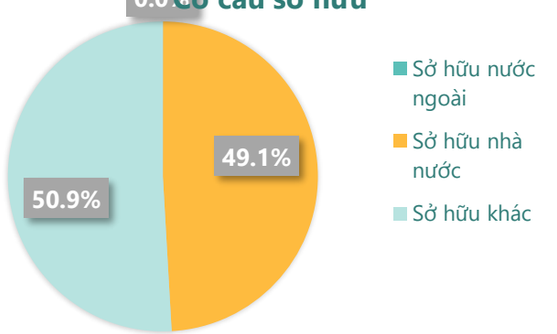
ROE (TTM)
Q2/25
36.0%
YoY: +/-▲ 3.3%

DT thuần
6T 2025
747
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117| 18.7%

LN thuần
6T 2025
169
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0| 17.8%

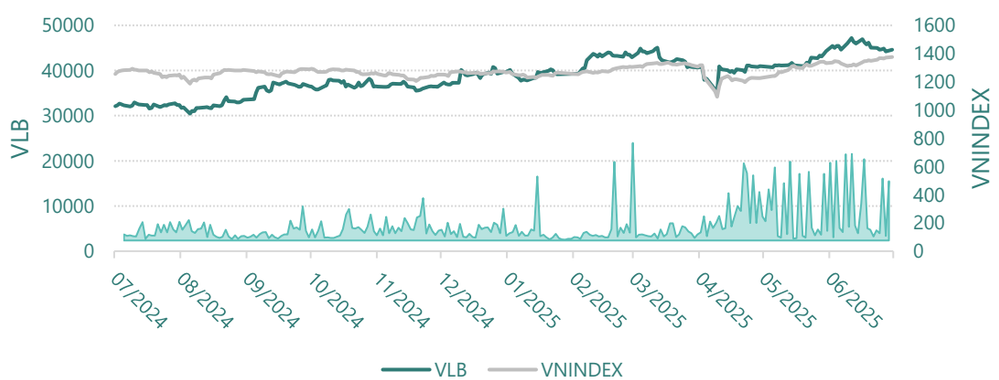
LN sau thuế
6T 2025
138
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 31.5%

Cơ cấu sở hữu

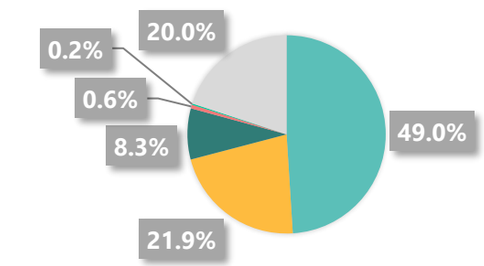


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

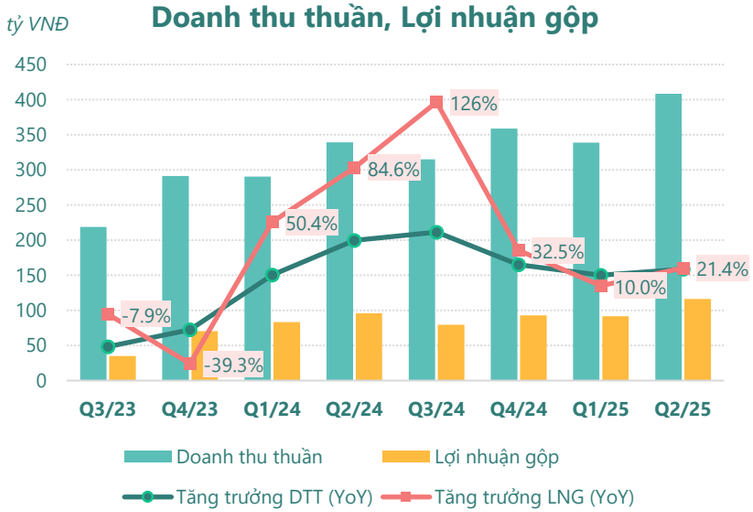


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- Công ty TNHH Đầu tư KSB
- CTCP Hóa An
- CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa
- Nguyễn Xuân Việt

(Nguồn: fireant.vn)

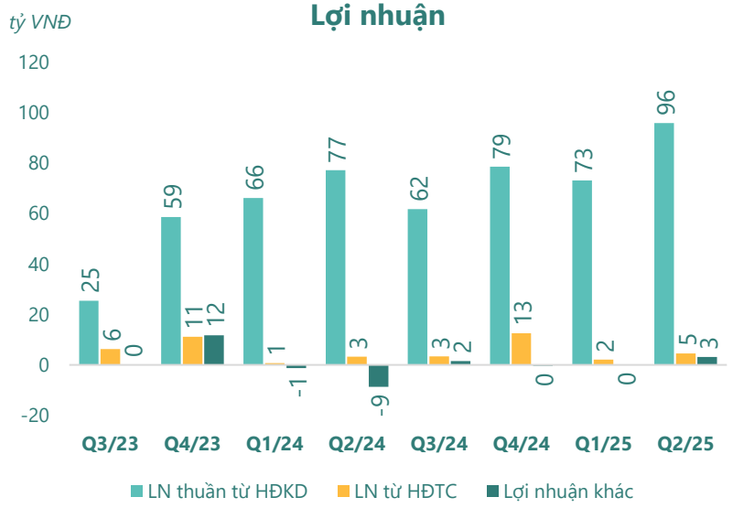
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



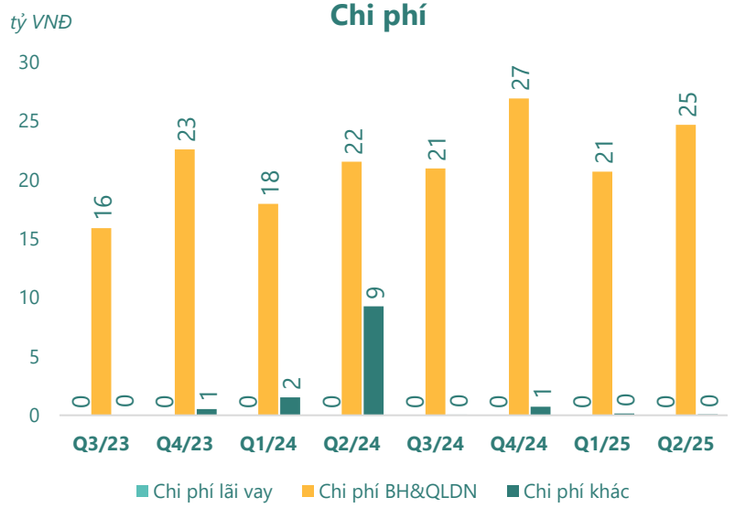
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



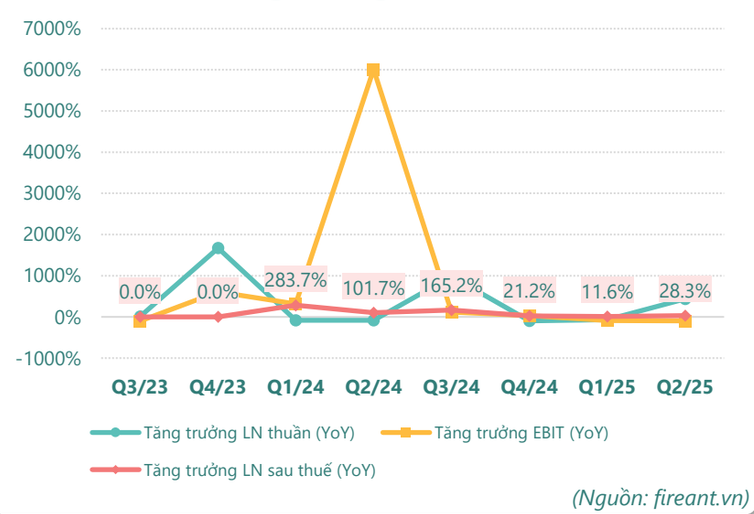
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



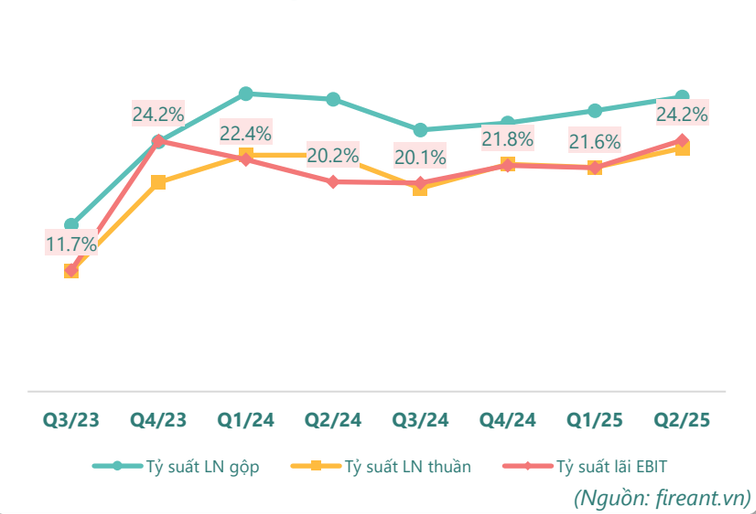
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



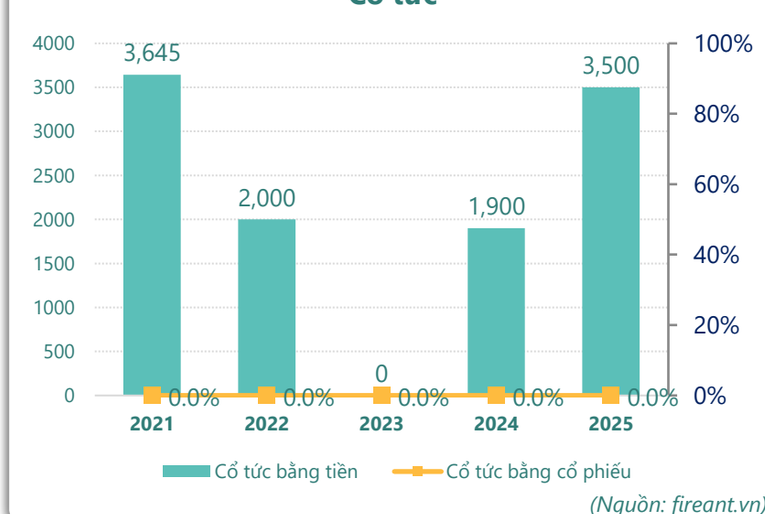
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

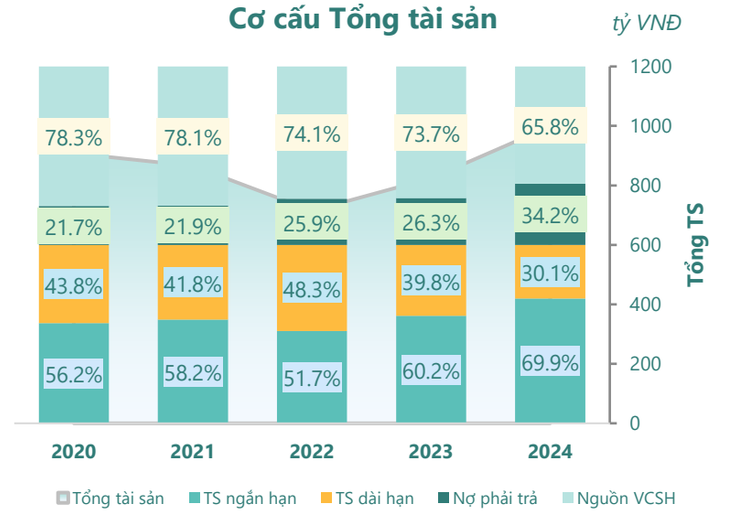
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

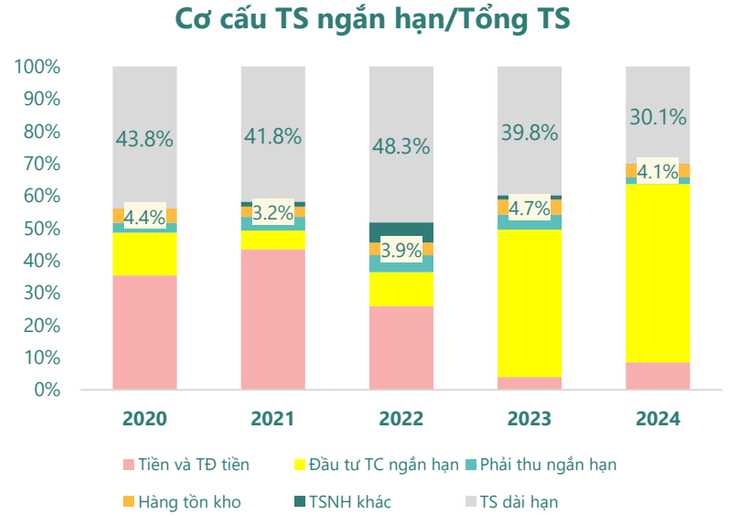
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



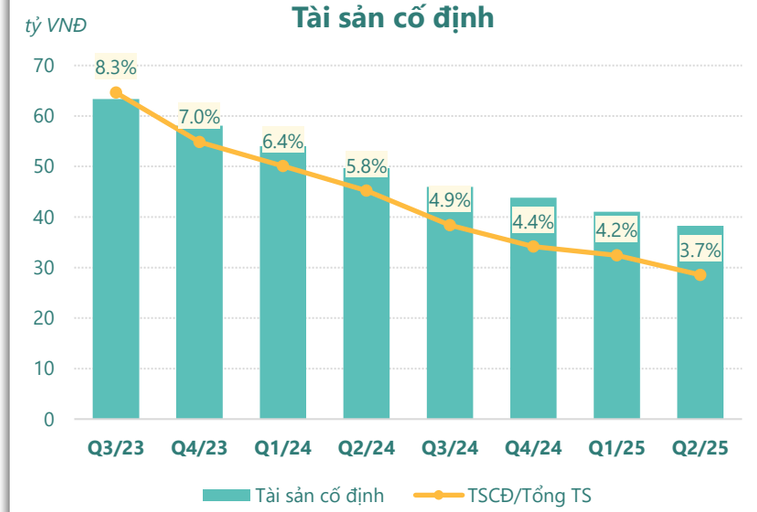
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



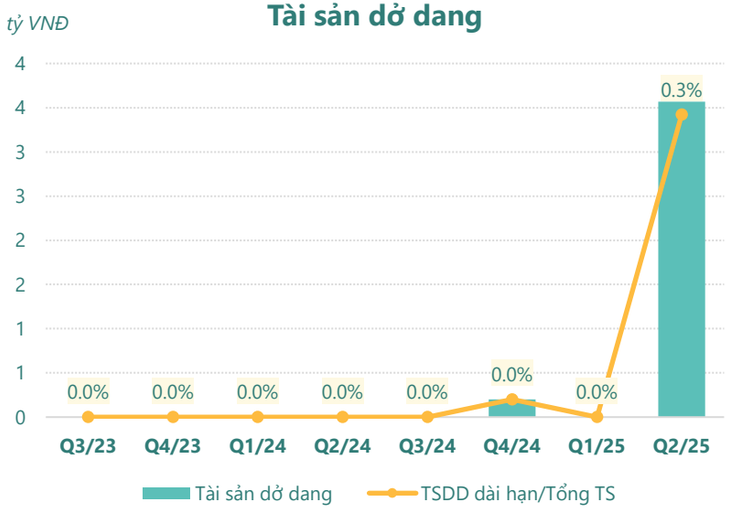
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



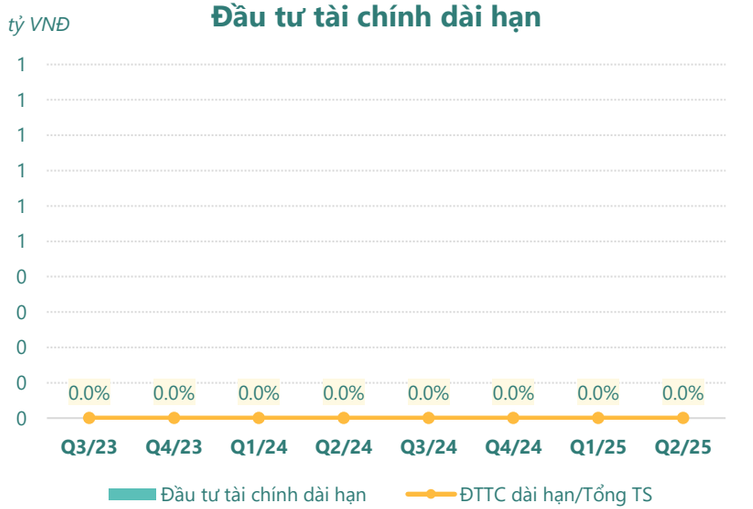
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



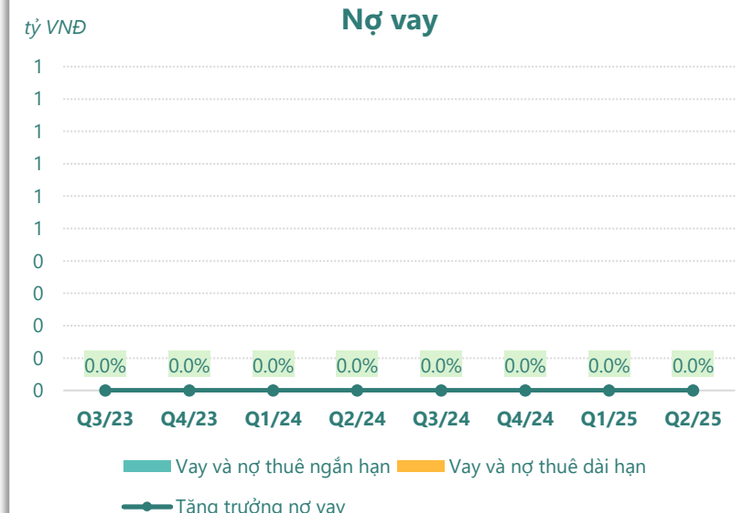
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

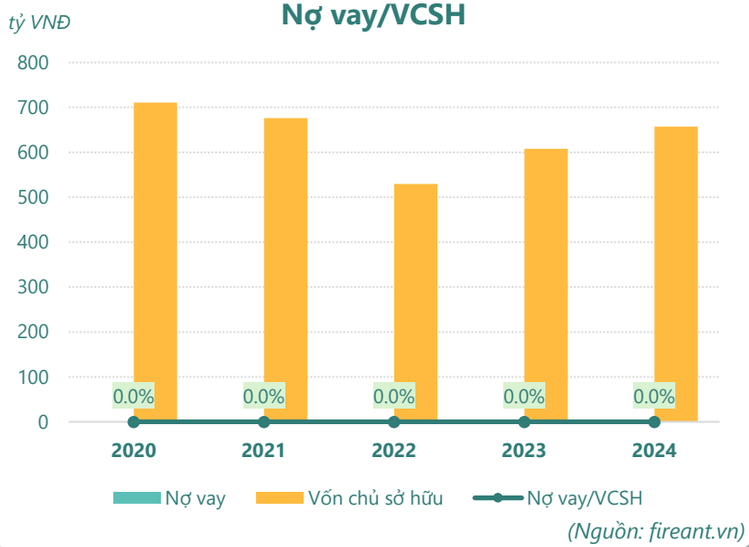
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

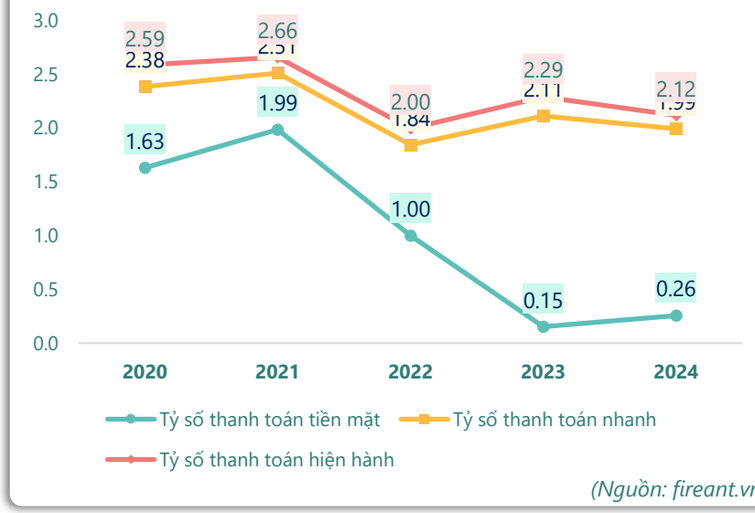
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



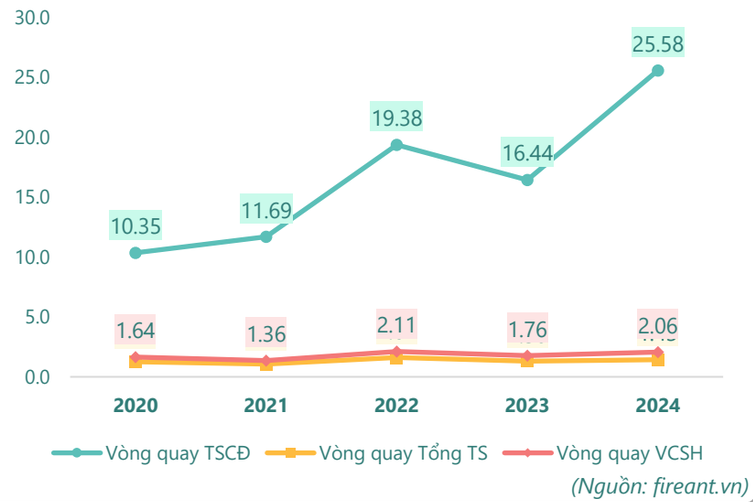
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



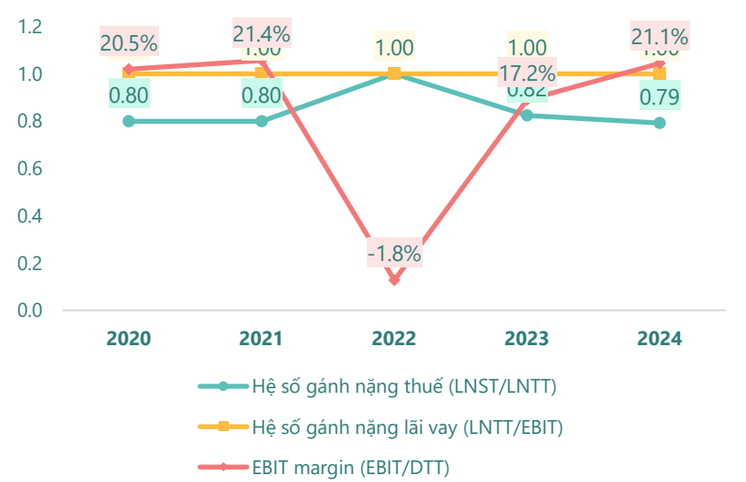
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



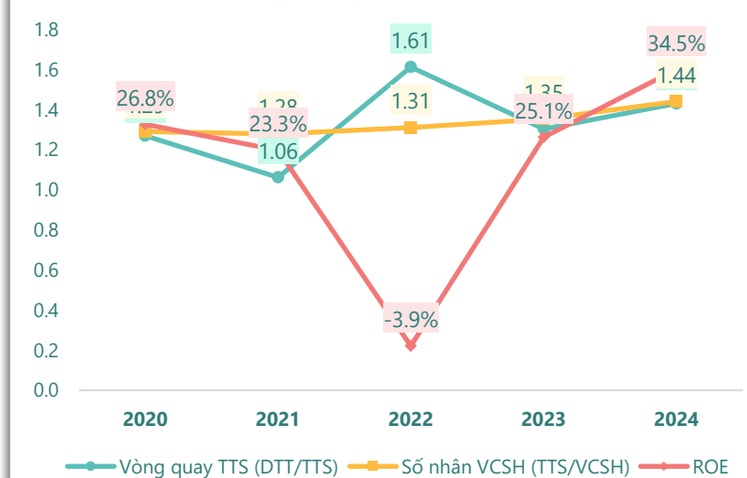
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



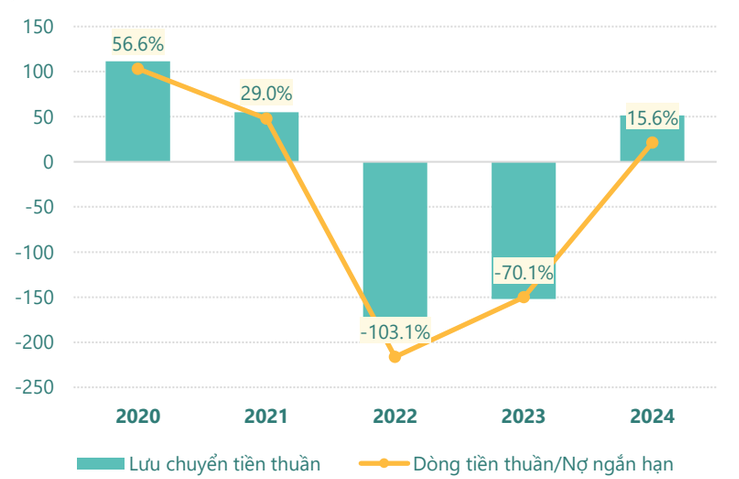
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**409**	**339**	**20.5%**	**747**	**630**	**18.7%**
Giá vốn hàng bán	292	243	20.3%	539	450	19.8%
Lợi nhuận gộp	116	95.6	21.4%	208	179	16.1%
Doanh thu HĐTC	4.54	3.22	40.9%	6.63	3.96	67.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.08	2.61	18.0%	6.19	4.71	31.5%
Chi phí QLDN	**21.6**	**19.0**	**13.7%**	**39.2**	**34.8**	**12.6%**
LN thuần từ HĐKD	95.9	77.3	24.1%	169	144	17.8%
Lợi nhuận khác	**3.11**	**-8.68**	**136%**	**3.04**	**-9.93**	**131%**
LN trước thuế	99.0	68.6	44.3%	172	134	28.9%
Lợi nhuận sau thuế	**79.2**	**53.0**	**49.4%**	**138**	**105**	**31.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**79.2**	**53.0**	**49.4%**	**138**	**105**	**31.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.5	112	81.5	79.4	-20.4	142
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.4	-34.1	-65.5	-28.2	-26.7	-63.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-88.8	0	0	0	-93.4
Tiền đầu kỳ	33.2	28.2	17.4	33.4	84.6	37.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.98**	**-10.8**	**16.0**	**51.2**	**-47.1**	**-14.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.2	17.4	33.4	84.6	37.5	23.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,042**	**998**	**4.4%**
Tài sản ngắn hạn	721	698	3.3%
Tiền và tương đương tiền	23.0	84.6	-72.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	652	551	18.3%
Phải thu ngắn hạn	24.7	21.3	16.2%
Hàng tồn kho	21.2	41.3	-48.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.00	7688%
Tài sản dài hạn	**322**	**301**	**6.9%**
Phải thu dài hạn	33.6	32.6	3.0%
Tài sản cố định	38.2	43.8	-12.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.57	0.20	1691%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**246**	**224**	**9.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	317	341	-7.1%
Nợ ngắn hạn	**304**	**330**	**-7.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	20.5	11.5%
Nợ dài hạn	13.5	11.8	14.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**725**	**657**	**10.3%**
Vốn chủ sở hữu	**725**	**657**	**10.3%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)